TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số:52/2022/HNGĐ-ST
Ngày 07/7/2022
V/v " Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Rô Be

2. Bà Phan Thị Trúc Phương

- Thư ký phiên tòa: *Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 7 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc *" Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2022 /QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn*: Chị Trương Thị Cẩm N, sinh năm: 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà C, tổ 9, ấp Đ, xã Đ , huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

2/. *Bị đơn*: Anh Huỳnh Văn S, sinh năm: 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2022 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Cẩm N trình bày:

Chị Trương Thị Cẩm N và anh Huỳnh Văn S chung sống với nhau vào ngày 18 tháng 9 năm 2018, không có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ , huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang ngày 13/02/2019, số 12/2019. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2020, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Sang đam mê cờ bạc, không lo làm ăn và không có trách nhiệm với vợ, từ đó vợ chồng lời qua tiếng lại, sau đó anh Sang bỏ về nhà cha mẹ ruột ở và không chịu quay về chung sống với chị Nhung, chị N có khuyên anh S quay về chung sống với chị N nhưng anh S không đồng ý. Từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng cuộc sống chung không thể kéo, dài mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng ly thân từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phần nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Cẩm N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn S.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phần nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt, hợp lệ giấy triệu tập cho anh Huỳnh Văn S tham gia phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng anh Sang đều không có mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Huỳnh Văn S đang cư trú tại ấp T, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Huỳnh Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Huỳnh Văn S.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị Cẩm N và anh Huỳnh Văn S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang ngày 13/02/2019, số 12/2019 là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia

đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3.1] Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị Trương Thị Cẩm N Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn chị N và anh S chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh S đam mê cờ bạc, không lo làm ăn và không có trách nhiệm với vợ, từ đó vợ chồng lời qua tiếng lại, sau đó anh S bỏ về nhà cha mẹ ruột ở và không chịu quay về chung sống với chị N, chị N có khuyên anh S quay về chung sống với chị N nhưng anh S không đồng ý. Từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng, mặc dù anh chị đã cố gắng nếu kéo tình cảm nhưng không mang lại kết quả, chị N và anh S đã ly thân từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay, trong thời gian ly thân anh chị không quan tâm, chăm sóc nhau, bỏ mặc cuộc sống hôn nhân điều này chứng tỏa tình trạng hôn nhân của anh chị không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hiện được tình nghiã vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình *" Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;.... Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...."*.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ cho anh Huỳnh Văn S tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Huỳnh Văn S điều vắng mặt không có lý do. Đều này chứng tỏa anh Huỳnh Văn S bỏ mặc không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị N nữa.

Tại phiên Tòa, Tòa án động viên chị N quay về đoàn tụ với anh S để tiếp tục cuộc sống vợ chồng, nhưng chị N cương quyết ly hôn với anh Huỳnh Văn S.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: " Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Cẩm N.

[4] Về con chung: Chị Trương Thị Cẩm N xác nhận vợ chồng không có con chung, nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Cẩm N phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 56,81,82,83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Cẩm N.

2.Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Cẩm N ly hôn với anh Huỳnh Văn S.

3.Về con chung: không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5.Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Cẩm N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006281 ngày 15/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Trương Thị Cẩm N đã nộp đủ.

6. Quyền kháng cáo: Chị Trương Thị Cẩm N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Huỳnh Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Vũ

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Vũ